

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-9- 2022  
V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phan Hữu Trí

2/ Bà Mai Thị Hồng Thắm

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***  
Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST- HNGĐ ngày 4 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị L**, sinh năm: 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 35, ấp A, xã An H, huyện C, An Giang

***2.Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 35, ấp A, xã An H, huyện C, An Giang

Tạm trú: ấp Bình Phước A, phường B, thị xã T, Bình Dương

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 9/2/2022, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:*

***-Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Nguyễn Duy T quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, An Giang. Sau khi kết hôn chị và anh T sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm ăn xa, có

quen người khác, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chị và anh Tuôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ năm 2020 chị và anh T không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh T ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc dài lâu được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 5/5/2009. Hiện cháu đang sống với anh T và ông bà Nội. Sau ly hôn chị L đồng ý cho anh Tnuôi cháu Thành, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Duy T* : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Duy T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh T tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh Thiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở ấp An Hòa, xã An Hòa, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng anh T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh Tân. Về con chung: Đề nghị giao cháu Thành cho anh T nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Duy T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Duy T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị L trình bày sau khi kết hôn chị và anh T sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm ăn xa, có quen người khác, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chị và anh T luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ năm 2020 chị và anh T không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh T ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh T cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị L. Hiện tại chị L xác định không còn tình cảm với anh T, chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị L và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 5/5/2009. Hiện cháu T đang sống với anh T và gia đình ông bà nội. Sau ly hôn chị L đồng ý cho anh T nuôi cháu Thành, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy cháu Thành từ nhỏ đến nay cháu sống với anh T cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để anh T được tiếp tục nuôi cháu Thành là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật của chị Phạm Thị L. Anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Phạm Thị L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị L. Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Duy T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 126/KH, ngày 21/7/2010 của Ủy ban nhân dân xã N huyện C, An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 5/5/2009. Hiện cháu T đang sống với anh T và gia đình ông bà nội. Sau ly hôn chị L đồng ý cho anh T nuôi cháu T, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu tương ứng với từng thời điểm thi hành án, cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 23/9/2022. Tiền cấp dưỡng do anh T đại diện nhận. Anh T phải tạo mọi điều kiện để chị L được quyền tới nuôi thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003147 ngày 4/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

5. Về kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**